

Bản án số: **120/2022/HNGĐ - ST**

Ngày 25 - 5- 2022

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Bích
2. Bà Dương Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc Yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị E, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn C 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn C 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và Đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Trần Thị E trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới bà và ông L về chung sống tại thôn C 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông L đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai người không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, thực tế thì hiện nay cả hai đều đã có cuộc sống riêng, không còn liên quan, ràng buộc gì đến nhau.

Do đó bà đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông Đặng Văn L không phải là vợ chồng trước pháp luật để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Đặng Văn L có 04 con chung là Đặng Thị D, sinh ngày 24/02/2000; Đặng Thị Đ, sinh ngày 04/02/2002; Đặng Văn H, sinh ngày 24/8/2005 và Đặng Thị U, sinh ngày 06/9/2012. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Văn H và cháu Đặng Thị U đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà. Đối với cháu Đặng Thị D và Đặng Thị Đ hiện tại đã đủ tuổi trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông Đặng Văn L có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Bà xác định trong quá trình chung sống bà và ông L không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị E chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng do nhận thức pháp luật hạn chế nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới ông và bà E về chung sống tại thôn C 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông và bà E đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai người không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, thực tế thì hiện nay cả hai đều đã có cuộc sống riêng, không còn liên quan, ràng buộc gì đến nhau. Ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà E theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Trần Thị E có 04 con chung là Đặng Thị D, sinh ngày 24/02/2000; Đặng Thị Đ, sinh ngày 04/02/2002; Đặng Văn H, sinh ngày 24/8/2005 và Đặng Thị U, sinh ngày 06/9/2012. Khi ly hôn ông nhất trí giao 02 con chung là cháu Đặng Văn H và cháu Đặng Thị U cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Đặng Thị D và Đặng Thị Đ hiện tại đã đủ tuổi trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản, đất đai chung: Ông xác định quá trình chung sống ông và bà Trần Thị E có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Ông xác định quá trình chung sống với bà Trần Thị E không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện: Bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống bà E và ông L sinh sống tại thôn C 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L có 04 con

chung là Đặng Thị D, sinh ngày 24/02/2000; Đặng Thị Đ, sinh ngày 04/02/2002; Đặng Văn H, sinh ngày 24/8/2005 và Đặng Thị U, sinh ngày 06/9/2012.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị E:

+ Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Đặng Văn H, sinh ngày 24/8/2005 và Đặng Thị U, sinh ngày 06/9/2012 cho bà Trần Thị E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đặng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Đối với các con chung là Đặng Thị D, sinh ngày 24/02/2000 và Đặng Thị Đ, sinh ngày 04/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản, đất đai chung: Do các đương sự đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị HĐXX miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Trần Thị E do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Bà Trần Thị E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đặng Văn L, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được

xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đặng Văn L có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn C 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:*

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L chung sống như vợ chồng từ năm 1998, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống tình cảm giữa bà E và ông L ban đầu có hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hai người đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Bà Trần Thị E xác định không còn tình cảm gì với ông L nên đề nghị Tòa án tuyên bố bà và ông L không phải là vợ chồng. HĐXX thấy rằng mặc dù bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình.

* Về con chung: Bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L đều xác định quá trình chung sống có 04 con chung là Đặng Thị D, sinh ngày 24/02/2000; Đặng Thị Đ, sinh ngày 04/02/2002; Đặng Văn H, sinh ngày 24/8/2005 và Đặng Thị U, sinh ngày 06/9/2012. Các đương sự thống nhất giao 02 con chung là cháu Đặng Văn H và cháu Đặng Thị U cho bà E trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đặng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Đặng Văn H và cháu Đặng Thị U cũng có nguyện vọng sống cùng bà E. Do đó HĐXX giao 02 con chung là cháu Đặng Văn H và cháu Đặng Thị U cho bà Trần Thị E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đặng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Đối với các con chung là Đặng Thị D, sinh ngày 24/02/2000 và Đặng Thị Đ, sinh ngày 04/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí và quyền kháng cáo bản án:*

Nguyên đơn bà Trần Thị E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng được miễn do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn ông Đặng Văn L không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị E.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị E và ông Đặng Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Văn H, sinh ngày 24/8/2005 và cháu Đặng Thị U, sinh ngày 06/9/2012 cho bà Trần Thị E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đặng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Đối với các con chung là Đặng Thị D, sinh ngày 24/02/2000 và Đặng Thị Đ, sinh ngày 04/02/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị đơn ông Đặng Văn L không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị E và bị đơn ông Đặng Văn L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San